TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/07/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC X, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Trần Xuân Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/06/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị Như Q, sinh năm 1991; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội nay là thôn x, xã Y, thành phố Hà Nội; (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1991; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nay là thôn x, xã B, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Quách Thị Như Q trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 13/02/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chơi bời, không tu trí làm ăn và không chu cấp tiền hàng tháng để chị nuôi con, kinh tế gia đình khó khăn. Ngoài ra, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh H nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông

khác. Gia đình đã hoà giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai, đến đời sống chung vợ chồng,

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

1.2. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Anh Tuấn K, sinh ngày 02/12/2015; Trần Anh Tuấn T, sinh ngày 20/02/2019; hiện các cháu K, T đang do anh H nuôi dưỡng; các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Anh Tuấn T; giao anh H nuôi dưỡng cháu Trần Anh Tuấn K; hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị xác định hiện chị không mang thai và vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

Chị xác định hiện chị có nơi ăn ở ổn định; chị làm tự do, thu nhập ổn định 07 triệu đồng một tháng.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ly hôn, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trần Thanh H trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị Như Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 13/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại thôn 3 Cát Lại, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong khoảng thời gian này anh có sơ ý làm mất xe máy mà chị Q mua dẫn đến sự việc chị Q đổ lỗi do anh chơi bời, bán xe và anh cũng nói chuyện, xin lỗi chị Q và mua lại xe mới nhưng không được chị Q chấp nhận. Chị Q đuổi anh ra khỏi cửa hàng chị Q đang thuê. Bên cạnh đó, anh còn bắt gặp chị Q ngoại tình công khai ngay tại quán chị Q đang thuê, anh không biết họ, tên, địa chỉ của người đàn ông mà chị Q ngoại tình. Gia đình đã hoà giải nhưng chị Q không muốn hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 10/2024 cho đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn chị Q.

2.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Anh Tuấn K, sinh ngày 02/12/2015; Trần Anh Tuấn T, sinh ngày 20/02/2019; hiện các cháu K, T đang do anh nuôi dưỡng; các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, anh đề nghị giao anh nuôi dưỡng cả hai cháu K, T; yêu cầu

chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cho anh đối với cháu T 01 triệu đồng một tháng. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

Anh xác định hiện anh có nơi ăn ở ổn định; anh làm tự do, thu nhập ổn định 15 triệu đồng một tháng.

2.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ cH, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề này.

3. Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Chị trình bày anh H đã giao cháu Tú cho chị nuôi dưỡng từ ngày 14/6/2025.

4. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình có quan điểm:

* Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam nay là Tòa án nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, điểm Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quách Thị Như Q. Xử cho chị Quách Thị Như Q ly hôn anh Trần Thanh H.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị Như Q: Giao Trần Anh Tuấn T, sinh ngày 20/02/2019 cho chị Quách Thị Như Q nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Anh Tuấn K, sinh ngày 02/12/2015 cho anh Trần Thanh H nuôi dưỡng. Chị Q, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; bị đơn – anh Trần Thanh H có nơi thường trú và cư trú tại thôn 3 Cát Lại, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nay là thôn x, xã B, tỉnh Ninh Bình do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam nay là Tòa án nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trần Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Quách Thị Như Q và anh Trần Thanh H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn vợ cH chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, không chia sẻ được với nhau trong công việc làm ăn kinh tế. Đồng thời do yêu cầu công việc nên vợ chồng thường xa nhau tuy nhiên cả hai không có sự tin tưởng, anh H nghi ngờ chị Q có quan hệ ngoại tình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đến tháng 10/2022 vợ chồng sống ly thân; hai người có gặp nhau nói chuyện nhưng do không thống nhất được quan điểm nên từ đó không chung sống cùng nhau.

Xét trên thực tế mâu thuẫn của vợ chồng chị Q, anh H xảy ra từ năm 2019; đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 10/2022 đến nay nhưng cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng. Trong toàn bộ quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị Q luôn bày tỏ mong muốn được ly hôn do vậy Hội đồng xét xử thấy khả năng chị Q, anh H đoàn tụ là không còn do vậy chấp nhận đề nghị của chị Q; xử cho chị Q ly hôn anh H là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Q, anh H có hai con chung là cháu Trần Anh Tuấn K, sinh ngày 02/12/2015; Trần Anh Tuấn T, sinh ngày 20/02/2019; hiện hai cháu đang do anh H nuôi dưỡng, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Xét thấy việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ; chị Q, anh H đều có việc làm cho thu nhập tương đương nhau; cháu K có nguyện vọng ở với anh H; còn cháu Tú còn nhỏ, chưa đủ 07 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q; giao cháu T cho chị Q

nuôi dưỡng; giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị Q, anh H đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị Q, anh H xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Quách Thị Như Q phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Quách Thị Như Q ly hôn anh Trần Thanh H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị Như Q. Giao cháu Trần Anh Tuấn T, sinh ngày 20/02/2019 cho chị Quách Thị Như Q nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Anh Tuấn K, sinh ngày 02/12/2015 cho anh Trần Thanh H nuôi dưỡng. Chị Q, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Q, anh H và các thành viên trong gia đình chị Q, anh H không được cản trở anh H, chị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tú và cháu Kiệt.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Quách Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000670 ngày 04/06/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Q phải chịu. (*Chị Q đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 6, tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã B, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)